

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG
NUTRICARE

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ CBSP: T95/NUTRICARE/2025

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM
DINH DƯỠNG LEANMAX

Năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: T95/NUTRICARE/2025

CHI CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM BẮC NINH	
Số: 223	ĐẾN
Ngày: 9/10/2025	
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0104937284-002

Điện thoại: 02466833368.

Email: contact@nutricare.com.vn

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:..... Ngày Cấp/Nơi cấp:.....

(Cơ sở đạt chứng nhận ISO 22000 - không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Sản phẩm dinh dưỡng Leanmax

2. Thành phần:

Chất béo thực vật, Maltodextrin, Đạm sữa, Sucrose, Đạm đậu nành, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Các Khoáng chất (Canxi carbonat, Magiê phosphat, Natri clorid, Kali clorid, Kẽm sulfat, Natri selenit, Sắt pyrophosphat, Mangan sulfat, Natri molybdat, Crôm clorid, Kali iodid, Đồng sulfat, Nano canxi carbonat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Cyanocobalamin, Retinyl acetat, Canxi-D-pantothenat, Cholecalciferol, D-Biotin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Axit folic, Riboflavin, Phylloquinon, Vitamin K2 (MK7)), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương sữa), Lactium (70 mg/100 g).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Quy cách bao gói:** Khối lượng tịnh 47, 400 g, 900 g. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

- **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 10 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Công Quý



THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG LEANMAX

Kết quả nghiên cứu lâm sàng cho thấy Leanmax giúp cải thiện thể trạng, hỗ trợ giảm tỷ lệ nhiễm trùng và giảm tỷ lệ sử dụng thêm kháng sinh sau mổ, cải thiện tiêu hóa, tăng cảm giác ngon miệng, giảm mệt mỏi và tình trạng mất ngủ ở người trước và sau phẫu thuật. Sản phẩm sau khi pha thành dạng lỏng giúp bổ sung dinh dưỡng cho người cao tuổi, khó nhai nuốt, suy nhược cơ thể.*

- GIÀU ĐAM, VITAMIN & KHOÁNG CHẤT
- VITAMIN K2 (MK7), MUFA, PUFA
- CHẤT XƠ HÒA TAN
- LACTIUM, MAGIÊ - B6
- NANO CANXI, VITAMIN D3
- Hồi phục sức khỏe
- Tốt cho tim mạch
- Hỗ trợ tiêu hóa
- Giảm stress, hỗ trợ ngủ ngon
- Hỗ trợ hình thành hệ xương vững chắc

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS

Chất béo thực vật, Maltodextrin, Đạm sữa, Sucrose, Đạm đậu nành, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Các Khoáng chất (Canxi carbonat, Magiê phosphat, Natri clorid, Kali clorid, Kẽm sulfat, Natri selenit, Sắt pyrophosphat, Mangan sulfat, Natri molybdat, Crom clorid, Kali iodid, Đồng sulfat, Nano canxi carbonat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Cyanocobalamin, Retinyl acetat, Canxi-D-pantothenat, Cholecalciferol, D-Biotin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Axit folic, Riboflavin, Phylloquinon, Vitamin K2 (MK7)), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương sữa), Lactium (70 mg/100 g)/Vegetable fat, Maltodextrin, Milk protein, Sucrose, Soy protein, Soluble fiber (FOS/Inulin), Minerals (Calcium carbonate, Magnesium phosphate, Sodium chloride, Potassium chloride, Zinc sulfate, Sodium selenite, Iron pyrophosphate, Manganese sulfate, Sodium molybdate, Chromium chloride, Potassium iodide, Copper sulfate, Nano calcium carbonate) and Vitamins (Sodium-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamide, Cyanocobalamin, Retinyl acetate, Calcium-D-pantothenate, Cholecalciferol, D-Biotin, Pyridoxine hydrochloride, Thiamine mononitrate, Folic acid, Riboflavin, Phylloquinone, Vitamin K2 (MK7)), Synthetic flavor (vanilla flavor, milk flavor), Lactium (70 mg/100 g).

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXK 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE

Trẻ từ 10 - 13 tuổi dùng 2 ly/ngày. Trẻ trên 13 tuổi và người lớn dùng 3 ly/ngày./Children aged 10 to 13 years: 2 servings per day. Children above 13 years and adults: 3 servings per day.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE

Cho từ từ 5 muỗng gạt (tương đương 47 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Hồn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.
Pour 180 ml warm water (approximately 50 °C) into the utensils, then add 5 scoops (approximately 47 g of powder). Stir well until the powder is completely dissolved. Finish using product reconstituted feeding 3 hours after preparation.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tự công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam.

NSX và HSD: Xem trên bao bì. Số CBSP: T95/NUTRICARE/2025.

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
H. THUẬN THÀNH - T. BẮC NINH

Leanmax

Adult

Dinh dưỡng cho phục hồi sức khỏe

ĐÃ ĐƯỢC CHỨNG MINH LÂM SÀNG

- Vitamin K2 (MK7) tốt cho tim mạch
- Arginin, BCAA hỗ trợ tăng tổng hợp cơ
- Lactium, Magiê giúp ngủ ngon, giảm mệt mỏi
- Nano canxi, Vitamin D3 tốt cho xương

THỰC PHẨM BỔ SUNG

Khối lượng tịnh: 400 g

LOW LACTOSE⁽²⁾
PHÙ HỢP VỚI NGƯỜI BẤT DÙNG NẠP LACTOSE

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/AVERAGE NUTRITIONAL VALUES⁽¹⁾

Thành phần/Components	Đơn vị/Unit	Trong 100 g bột/Per 100 g powder	Trong 210 ml pha chuẩn/Per serving (210 ml)
Năng lượng/Energy	kcal	452	212
Chất đạm/Protein	g	18,0	8,46
Arginin/Arginine	mg	827	389
BCAA	mg	3271	1537
Leucin/Leucine	mg	1502	706
Isoleucin/Isoleucine	mg	837	393
Valin/Valine	mg	932	438
Chất béo/Lipid	g	16,5	7,76
MUFA	mg	5899	2679
PUFA	mg	1551	729
Carbohydrat/Carbohydrate	g	56,4	26,5
Đường tổng số/Total sugars	g	12,8	5,92
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin) Soluble fiber (FOS/Inulin)	g	3,60	1,69
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1824	857
Vitamin D3	IU	490	230
Vitamin E	IU	17,2	8,08
Vitamin K1	µg	28,3	13,3
Vitamin K2 (MK7)	µg	16,7	7,85
Vitamin C	mg	105	49,4
Vitamin B1	µg	1055	496
Vitamin B2	µg	757	356
Niacin	µg	12569	5907
Axit pantothenic/Pantothenic acid	µg	4519	2124
Vitamin B6	µg	1541	724
Axit folic/Folic acid	µg	112	52,6
Vitamin B12	µg	6,79	3,19
Biotin	µg	33,2	15,6
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	230	108
Kali/Potassium	mg	164	77,1
Clor/Chloride	mg	314	148
Canxi/Calcium	mg	544	256
Phot pho/Phosphorus	mg	221	104
Magiê/Magnesium	mg	66,7	31,3
Sắt/Iron	mg	3,02	1,42
Kẽm/Zinc	mg	13,1	6,16
Mangan/Manganese	µg	952	447
Đồng/Copper	µg	267	126
I-đi/Iodine	µg	49,2	23,1
Seleni/Selenium	µg	16,8	7,90
Crom/Chromium	µg	17,5	8,23
Molybden/Molybdenum	µg	17,4	8,18

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

(2) Hàm lượng Lactose < 1 g/100 g bột.

*Trên nhãn bổ sung sản phẩm Leanmax so với nhóm chứng, sau 1 tháng can thiệp trên người hồi phục sau phẫu thuật.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
1800.6011
(Miễn phí cước gọi)
www.nutricare.com.vn



8 938505 463148

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG LEANMAX

Kết quả nghiên cứu lâm sàng cho thấy Leanmax giúp cải thiện thể trạng, hỗ trợ giảm tỷ lệ nhiễm trùng và giảm tỷ lệ sử dụng thêm kháng sinh sau mổ, cải thiện tiêu hóa, tăng cảm giác ngon miệng, giảm mệt mỏi và tình trạng mất ngủ ở người trước và sau phẫu thuật. Sản phẩm sau khi pha thành dạng lỏng giúp bổ sung dinh dưỡng cho người cao tuổi, khó nhai nuốt, suy nhược cơ thể.*



THÀNH PHẦN/INGREDIENTS

Chất béo thực vật, Maltodextrin, Đạm sữa, Sucrose, Đạm đậu nành, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Các Khoáng chất (Canxi carbonate, Magiê phosphat, Natri clorid, Kali clorid, Kẽm sulfat, Natri selenit, Sắt pyrophosphat, Mangan sulfat, Natri molybdat, Crom clorid, Kali iodid, Đồng sulfat, Nano canxi carbonate) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Cyanocobalamin, Retinyl acetat, Canxi-D-pantothenat, Cholecalciferol, D-Biotin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Axit folic, Riboflavin, Phylloquinone, Vitamin K2 (MK7)), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương sữa), Lactium (70 mg/100 g)./Vegetable fat, Maltodextrin, Milk protein, Sucrose, Soy protein, Soluble fiber (FOS/Inulin), Minerals (Calcium carbonate, Magnesium phosphate, Sodium chloride, Potassium chloride, Zinc sulfate, Sodium selenite, Iron pyrophosphate, Manganese sulfate, Sodium molybdate, Chromium chloride, Potassium iodide, Copper sulfate, Nano calcium carbonate) and Vitamins (Sodium-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamide, Cyanocobalamin, Retinyl acetate, Calcium-D-pantothenate, Cholecalciferol, D-Biotin, Pyridoxine hydrochloride, Thiamine mononitrate, Folic acid, Riboflavin, Phylloquinone, Vitamin K2 (MK7)), Synthetic flavor (vanilla flavor, milk flavor), Lactium (70 mg/100 g).

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CX 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE

Trẻ từ 10 - 13 tuổi dùng 2 ly/ngày. Trẻ trên 13 tuổi và người lớn dùng 3 ly/ngày./Children aged 10 to 13 years: 2 servings per day. Children above 13 years and adults: 3 servings per day.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE

Cho từ từ 5 muỗng gạt (tương đương 47 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Hồn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.
Pour 180 ml warm water (approximately 50 °C) into the utensils, then add 5 scoops (approximately 47 g of powder). Stir well until the powder is completely dissolved. Finish using product reconstituted feeding 3 hours after preparation.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tự công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam.

NSX và HSD: Xem trên bao bì. Số CBSP: T95/NUTRICARE/2025.



Dinh dưỡng cho phục hồi sức khỏe



- + Vitamin K2 (MK7) tốt cho tim mạch
- + Arginin, BCAA hỗ trợ tăng tổng hợp cơ
- + Lactium, Magiê giúp ngủ ngon, giảm mệt mỏi
- + Nano canxi, Vitamin D3 tốt cho xương

THỰC PHẨM BỔ SUNG

Khối lượng tịnh: 900 g

LOW LACTOSE⁽²⁾
PHÙ HỢP VỚI NGƯỜI BẤT DÙNG NẠP LACTOSE

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/AVERAGE NUTRITIONAL VALUES⁽¹⁾

Thành phần/Components	Đơn vị Unit	Trong 100 g bột/Per 100 g powder	Trong 210 ml pha chuẩn/Per serving (210 ml)
Năng lượng/Energy	kcal	452	212
Chất đạm/Protein	g	18,0	8,46
Arginin/Arginine	mg	827	389
BCAA	mg	3271	1537
Leucin/Leucine	mg	1502	706
Isoleucin/Isoleucine	mg	837	393
Valin/Valine	mg	932	438
Chất béo/Lipid	g	16,5	7,76
MUFA	mg	5699	2679
PUFA	mg	1551	729
Carbohydrat/Carbohydrate	g	56,4	26,5
Đường tổng số/Total sugars	g	12,6	5,92
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin) Soluble fiber (FOS/Inulin)	g	3,60	1,69
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1824	857
Vitamin D3	IU	490	230
Vitamin E	IU	17,2	8,08
Vitamin K1	µg	28,3	13,3
Vitamin K2 (MK7)	µg	16,7	7,85
Vitamin C	mg	105	49,4
Vitamin B1	µg	1055	496
Vitamin B2	µg	757	356
Niacin	µg	12569	5907
Axit pantothenic/Pantothenic acid	µg	4519	2124
Vitamin B6	µg	1541	724
Axit folic/Folic acid	µg	112	52,6
Vitamin B12	µg	6,79	3,19
Biotin	µg	33,2	15,6
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	230	108
Kali/Potassium	mg	164	77,1
Clor/Chloride	mg	314	148
Canxi/Calcium	mg	544	256
Phot pho/Phosphorus	mg	221	104
Magiê/Magnesium	mg	66,7	31,3
Sắt/Iron	mg	3,02	1,42
Kẽm/Zinc	mg	13,1	6,16
Mangan/Manganese	µg	952	447
Đồng/Copper	µg	267	126
I-ốt/Iodine	µg	49,2	23,1
Selen/Selenium	µg	16,8	7,90
Crom/Chromium	µg	17,5	8,23
Molybden/Molybdenum	µg	17,4	8,18

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vụn chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

(2) Hàm lượng Lactose < 1 g/100 g bột.

*Trên nhóm bổ sung sản phẩm Leanmax so với nhóm chứng, sau 1 tháng can thiệp trên người hồi phục sau phẫu thuật.



1.5 cm

11 cm

1.5 cm

11 cm

Leanmax Adult

Dinh dưỡng cho phục hồi sức khỏe

- Vitamin K2 (MK7) tốt cho tim mạch
- Arginin, BCAA hỗ trợ tăng tổng hợp cơ
- Lactium, Magiê giúp ngủ ngon, giảm mệt mỏi
- Nano canxi, Vitamin D3 tốt cho xương

Khối lượng tịnh **47 g**

THỰC PHẨM BỔ SUNG

LOW LACTOSE⁽²⁾

PHÙ HỢP VỚI NGƯỜI BẤT DUNG NAP LACTOSE

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG LEANMAX

Kết quả nghiên cứu lâm sàng cho thấy Leanmax giúp cải thiện thể trạng, hỗ trợ giảm tỷ lệ nhiễm trùng và giảm tỷ lệ sử dụng thêm kháng sinh sau mổ, cải thiện tiêu hóa, tăng cảm giác ngon miệng, giảm mệt mỏi và tình trạng mất ngủ ở người trước và sau phẫu thuật. Sản phẩm sau khi pha thành dạng lỏng giúp bổ sung dinh dưỡng cho người cao tuổi, khó nhai nuốt, suy nhược cơ thể.*

GIÁU ĐAM, VITAMIN & KHOÁNG CHẤT

Hồi phục sức khỏe

VITAMIN K2 (MK7), MUFA, PUFA

Tốt cho tim mạch

CHẤT XƠ HÒA TAN

Hỗ trợ tiêu hóa

LACTUM, MAGIÊ - B6

Giảm stress, hỗ trợ ngủ ngon

NANO CANXI, VITAMIN D3

Hỗ trợ hình thành hệ xương vững chắc

THÀNH PHẦN: Chất béo thực vật, Maltodextrin, Đạm sữa, Sucrose, Đạm đậu nành, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Các Khoáng chất (Canxi carbonat, Magiê phosphat, Natri clorid, Kali clorid, Kẽm sulfat, Natri selenit, Sắt pyrophosphat, Mangan sulfat, Natri molybdat, Crom clorid, Kali iodid, Đồng sulfat, Nano canxi carbonat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Cyanocobalamin, Retinyl acetat, Canxi-D-pantothenat, Cholecalciferol, D-Biotin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Axit folic, Riboflavin, Phylloquinon, Vitamin K2 (MK7)), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương sữa), Lactium (70 mg/100 g).

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Cho từ từ 1 gói (tương đương 47 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ: Trẻ từ 10 - 13 tuổi dùng 2 gói/ngày. Trẻ trên 13 tuổi và người lớn dùng 3 gói/ngày.

BẢO QUẢN: Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vụn và chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.
(2) Hàm lượng Lactose < 1 g/100 g bột.

*Trên nhóm bổ sung sản phẩm Leanmax so với nhóm chứng, sau 1 tháng can thiệp trên người hồi phục sau phẫu thuật.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Tự công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Nhà máy 3: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam. ISX và HSD: Xem trên bao bì.
Số CBSP: T95/NUTRICARE/2025.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CX 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

1800.6011

(Miễn phí cước gọi)

www.nutricare.com.vn

8 9 3 8 5 0 5 1 4 6 3 1 4 8

Thành phần/Components	Đơn vị/Unit	Trong 100 g bột/Per 100 g powder	Trong 210 ml pha chuẩn/Per serving (210 ml)
Năng lượng/Energy	kcal	452	212
Chất đạm/Protein	g	18,0	8,46
Arginin/Arginine	mg	827	389
BCAA	mg	3271	1537
Leucin/Leucine	mg	1502	706
Isoleucin/Isoleucine	mg	837	393
Valin/Valine	mg	932	438
Chất béo/Lipid	g	16,5	7,76
MUFA	mg	5699	2679
PUFA	mg	1551	729
Carbohydrat/Carbohydrate	g	56,4	26,5
Đường tổng số/Total sugars	g	12,6	5,92
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin) Soluble fiber (FOS/Inulin)	g	3,80	1,89
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1824	857
Vitamin D3	IU	490	230
Vitamin E	IU	17,2	8,08
Vitamin K1	µg	28,3	13,3
Vitamin K2 (MK7)	µg	16,7	7,85
Vitamin C	mg	105	49,4
Vitamin B1	µg	1055	496
Vitamin B2	µg	757	356
Niacin	µg	12569	5907
Axit pantothenic/Pantothenic acid	µg	4519	2124
Vitamin B6	µg	1541	724
Axit folic/Folic acid	µg	112	52,6
Vitamin B12	µg	6,79	3,19
Biotin	µg	33,2	15,6
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	230	108
Kali/Potassium	mg	164	77,1
Clor/Chloride	mg	314	148
Canxi/Calcium	mg	544	256
Phot pho/Phosphorus	mg	221	104
Magiê/Magnesium	mg	66,7	31,3
Sắt/Iron	mg	3,02	1,42
Kẽm/Zinc	mg	13,1	6,16
Mangan/Manganese	µg	952	447
Đồng/Copper	µg	267	126
I-ốt/Iodine	µg	49,2	23,1
Selen/Selenium	µg	16,8	7,90
Crom/Chromium	µg	17,5	8,23
Molybden/Molybdenum	µg	17,4	8,18

16.4 cm

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM
Số: T95/NUTRICARE/2025

Tên tổ chức, cá nhân: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0104937284-002

Điện thoại: 02466833368.

Email: contact@nutricare.com.vn

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Sản phẩm dinh dưỡng Leanmax

2. Thành phần cấu tạo

Chất béo thực vật, Maltodextrin, Đạm sữa, Sucrose, Đạm đậu nành, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Các Khoáng chất (Canxi carbonat, Magiê phosphat, Natri clorid, Kali clorid, Kẽm sulfat, Natri selenit, Sắt pyrophosphat, Mangan sulfat, Natri molybdat, Crôm clorid, Kali iodid, Đồng sulfat, Nano canxi carbonat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Cyanocobalamin, Retinyl acetat, Canxi-D-pantothenat, Cholecalciferol, D-Biotin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Axit folic, Riboflavin, Phylloquinon, Vitamin K2 (MK7)), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương sữa), Lactium (70 mg/100 g).

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Thành phần	Đơn vị	Tối thiểu trong 100 g bột
Năng lượng	kcal	362
Chất đạm	g	14,4
Arginin	mg	662
BCAA	mg	2617

Leucin	mg	1202
Isoleucin	mg	670
Valin	mg	746
Chất béo	g	13,2
MUFA	mg	4559
PUFA	mg	1241
Carbohydrat	g	45,1
Đường tổng số	g	10,1
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	g	2,88
Vitamin		
Vitamin A	IU	1459
Vitamin D3	IU	392
Vitamin E	IU	13,8
Vitamin K1	µg	22,6
Vitamin K2	µg	13,4
Vitamin C	mg	84,0
Vitamin B1	µg	844
Vitamin B2	µg	606
Niacin	µg	10055
Axit pantothenic	µg	3615
Vitamin B6	µg	1233
Axit folic	µg	89,6
Vitamin B12	µg	5,43

Biotin	µg	26,6
Khoáng chất		
Natri	mg	184
Kali	mg	143
Clo	mg	251
Canxi	mg	435
Phốt pho	mg	177
Magiê	mg	53,4
Sắt	mg	2,42
Kẽm	mg	10,5
Mangan	µg	762
Đồng	µg	214
I-ốt	µg	39,4
Selen	µg	13,4
Crôm	µg	14,0
Molypden	µg	13,9

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	10
3	<i>Staphylococci</i> dương tính với <i>coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100
5	Nội độc tố của <i>Staphylococcus</i>	/25 g	KPH

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/l dung dịch pha chuẩn	0,02
		Tương đương mg/kg bột	0,09
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
4	Arsen (As)	mg/kg	0,5
5	Thiếc (Sn) (<i>Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc</i>)	mg/kg	250

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

6. Hướng dẫn sử dụng

Cho từ từ 5 muỗng gạt (tương đương 47 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

Lưu ý:

- Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.
- Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành.
- Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

7. Lượng dùng khuyến nghị

- Trẻ từ 10 - 13 tuổi dùng 2 ly/ngày.
- Trên 13 tuổi dùng 3 ly/ngày.

8. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

9. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

10. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 47g, 400 g, 900 g (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

11. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 10 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Công Quý

